TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2026/DS-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Thị Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Đoàn Hoa Uyển** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng T**. Địa chỉ: Số A, đường H, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông **Đỗ Thành T -** Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân (theo Văn bản ủy quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T: Ông **Bùi Văn S**– Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ và ông **Nguyễn Thanh P**– Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số: 36364/2025/UQ-VPB ngày 30/12/2025 – vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trương Ngọc T**, sinh ngày 19/9/1991. Địa chỉ: Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn Ngân hàng T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa Ngân hàng T và bà Trương Ngọc T có ký kết với nhau hợp đồng vay tiền. Cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 03/10/2023 các bên ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số: theo số hợp đồng tại xác nhận chấp thuận của VPBank, theo đó Ngân hàng đã cấp cho bà 01 thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất áp dụng cố định là 39 % trong suốt thời hạn vay.

Khoản vay thứ hai: Ngày 29/3/2024 các bên ký kết Hợp đồng cho vay số: LD2408901915, theo đó bà T vay của Ngân hàng số tiền là 285.700.000 đồng, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán phí bảo hiểm, mua bảo hiểm, thời hạn vay tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đến ngày 06/03/2029. Vay không có đảm bảo bằng tài sản. Lãi suất vay trong hạn là 31%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/7/2026 bà T nợ Ngân hàng khoản vay thứ nhất là 33.183.281 đồng (trong đó nợ gốc là 10.896.921 đồng, lãi là 22.286.360 đồng); nợ khoản vay thứ hai là 524.563.016 đồng (trong đó nợ gốc là 285.699.875 đồng, lãi là 238.863.141 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ các khoản nợ nêu trên cùng tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ và phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Bị đơn bà Trương Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc bà Trương Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2026) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số: theo số

hợp đồng tại xác nhận chấp thuận của VPBank ngày 03/10/2023 là 33.183.281 đồng (trong đó nợ gốc là 10.896.921 đồng, lãi là 22.286.360 đồng) và Hợp đồng cho vay số LD2408901915 ngày 29/3/2024 là 524.563.016 đồng (trong đó nợ gốc là 285.699.875 đồng, lãi là 238.863.141 đồng). Đồng thời, bà T còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng vay đã ký. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Ngọc T trả nợ vay theo hợp đồng đã ký kết. Bà T có địa chỉ tại Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng T và bà T ký kết Hợp đồng vay, mục đích vay là tiêu dùng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Nguyễn Thanh Phương có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu bà T trả nợ theo hợp đồng vay đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa Ngân hàng và bà T có ký kết với nhau hợp đồng vay tiền. Cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 03/10/2023 các bên ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số: theo số hợp đồng tại xác nhận chấp thuận của VPBank, theo đó Ngân hàng đã cấp cho bà 01 thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất áp dụng cố định là 39 % trong suốt thời hạn vay.

Khoản vay thứ hai: Ngày 29/3/2024 các bên ký kết Hợp đồng cho vay số: LD2408901915, theo đó bà T vay của Ngân hàng số tiền là 285.700.000 đồng, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán phí bảo hiểm, mua bảo hiểm, thời hạn vay tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đến ngày

06/03/2029. Vay không có đảm bảo bằng tài sản. Lãi suất vay trong hạn là 31%/năm.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/7/2026 bà T nợ Ngân hàng khoản vay thứ nhất là 33.183.281 đồng (trong đó nợ gốc là 10.896.921 đồng, lãi là 22.286.360 đồng); nợ khoản vay thứ hai là 524.563.016 đồng (trong đó nợ gốc là 285.699.875 đồng, lãi là 238.863.141 đồng). Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết đúng theo quy định pháp luật. Bà T không chứng minh được là bà đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu bà T trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Kể từ ngày 29/7/2026, bà T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.309.851 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bà Trương Ngọc T.

2. Buộc bà Trương Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2026) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số: theo số hợp đồng tại xác nhận chấp thuận của VPBank ngày 03/10/2023 là 33.183.281 đồng (trong đó nợ gốc là 10.896.921 đồng, lãi là 22.286.360 đồng).

Buộc bà Trương Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2026) theo Hợp đồng cho

vay số LD2408901915 ngày 29/3/2024 là 524.563.016 đồng (trong đó nợ gốc là 285.699.875 đồng, lãi là 238.863.141 đồng).

3. Kể từ ngày 29/7/2026, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trương Ngọc T phải chịu 26.309.851 đồng. Ngân hàng T không phải chịu án phí, Ngân hàng T đã nộp tạm ứng án phí là 11.400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004663 ngày 17/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được hoàn toàn bộ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực A – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Nhi